GIỚI TỪ THỜI GIAN: AT – IN – ON

1. Giới từ AT

Dùng với **thời điểm cụ thể, chính xác**.

Công thức:

- **at + giờ**
- **at + thời điểm đặc biệt**

Ví dụ:

- at 7 o'clock
- at noon
- at midnight
- at lunchtime
- at night

2. Giới từ ON

Dùng với **ngày cụ thể** hoặc **ngày có kèm buổi**.

Công thức:

- **on + ngày**
- **on + thứ**
- **on + ngày/tháng/năm**
- **on + buổi của một ngày cụ thể**

Ví dụ:

- on Monday
- on May 10th
- on my birthday
- on Friday morning
- on the weekend
- We will travel on Sunday.

3. Giới từ IN

Dùng với **khoảng thời gian dài hơn**: tháng, năm, mùa, thế kỷ, buổi trong ngày…

Công thức:

- **in + tháng**
- **in + năm**
- **in + mùa**
- **in + buổi trong ngày**
- **in + khoảng thời gian tương lai**

Ví dụ:

• in July • in 2026 • in winter	• in the morning • in the 21st century • I will finish the project in two days.

LIVEWORKSHEETS

Write at, in, on into the gap.

Example:_____ August

Answer: in August

1. _____ September 2nd
2. _____ the weekend
3. _____ Friday
4. _____ midday
5. _____ the evening
6. _____ lunchtime
7. _____ Sunday morning
8. _____ night
9. _____ the spring
10. _____ half past seven
11. _____ 2009
12. _____ my birthday
13. _____ January
14. _____ Christmas
15. _____ the 1st of May
16. _____ New Year
17. _____ 1996
18. _____ December 27th
19. _____ summer
20. _____ quarter to five
21. _____ midnight
22. _____ the morning
23. _____ Thursday evening
24. _____ April
25. _____ 12:45
26. _____ July 4th
27. _____ Easter
28. _____ Christmas Day
29. _____ autumn
30. _____ Wednesday

LIVEWORKSHEETS

Write at, in, on into the gap.

Example: I'll call you _____ half past eight.

Answer: I'll call you at half past eight.

1. Did you see Emma _____ Monday?
2. Were you sleeping _____ 10 pm yesterday?
3. Where were you _____ the spring?
4. I'm going to do a language course _____ March.
5. Was your sister born _____ June 10th?
6. Are you usually hungry _____ the morning?
7. Let's meet _____ the weekend.
8. Will you be free _____ Sunday evening?
9. Do you often go out _____ winter?
10. Chris graduated from university _____ 2015.
11. We couldn't sleep _____ night because of the noise.
12. Where will you be _____ Easter?
13. My friends always visit me _____ my birthday.
14. I'm having an appointment _____ Tuesday morning.
15. They went to Spain _____ the summer.

LIVEWORKSHEETS